TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **32/**2020/HNGĐ-ST
Ngày: 15-01-2020
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông VN Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Nguyễn N Phương.

2.Bà Nguyễn Thị Nguyên.

Thư ký phiên tòa: Ông Quách Minh Tuyền- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: *Bà Phan Mỹ Dung* - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2020, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 821/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 516/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 431/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18/12/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích N, sinh năm: 1992;
Địa chỉ: Số 87/151 Liên khu 4-5 phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt).

Bị đơn: Ông Võ Hoàng Vũ, sinh năm: 1988;
Địa chỉ: Nhà không số tổ 7, ấp 3B, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 23 tháng 7 năm 2019, bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích N trình bày:

Bà Nguyễn Thị Bích N và ông Võ Hoàng Vtự nguyện kết hôn vào năm 2011, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2011, theo giấy chứng nhận kết hôn số 80, quyển số 01/2011 do Ủy ban nhân dân xã Đinh Lạc, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 06/9/2011, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được,

nguyên nhân là do tính tình quan điểm sống không còn hòa hợp, vợ chồng không có sự yêu thương chăm sóc lẫn nhau. Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà N yêu cầu ly hôn với ông Vũ.

Về con chung: Có hai người con chung tên là Võ Thị Tuyết Như, sinh ngày: 25/3/2012 và trẻ Võ Hoàng Bách, sinh ngày 04/01/2016. Các con hiện đang sống với mẹ. Bà N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung, bà yêu cầu ông Vphải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng/01 con. Ngày 07/11/2019 bà N có đơn thay đổi yêu cầu; cụ thể bà N yêu cầu ông Vphải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng/01 con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng ông Võ Hoàng Vvẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không thể hiện ý kiến của mình bằng bất cứ văn bản nào.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên việc giải quyết vụ án vẫn còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1].Bà Nguyễn Thị Bích N khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn với ông Võ Hoàng Vũ. Ông Võ Hoàng Vcó nơi cư trú tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2].Về sự vắng mặt của bị đơn ông Võ Hoàng Vũ, Tòa án đã tiến hành

tống đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng ông Võ Hoàng Vvẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án, nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông Vtheo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 80, quyển số 01/2011 do Ủy ban nhân dân xã Đinh Lạc, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 06/9/2011, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Bích N và ông Võ Hoàng Vlà hôn nhân hợp pháp được qui định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Bích N xác nhận là đời sống chung giữa bà và ông Vcó nhiều mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không còn hòa hợp, cả hai đã sống ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay và không ai còn quan tâm chăm sóc nhau từ lâu.

Tại kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của Ủy ban nhân xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung "Trong quá trình sinh sống tại địa phương giữa bà Nguyễn Thị Bích N và ông Võ Hoàng Vcó xảy ra mâu thuẫn…nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống". Đồng thời, theo lời trình bày của nguyên đơn thì cuộc sống hôn nhân mẫu thuẫn trầm trọng, đã từ lâu không ai còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và cả hai đã sống ly thân. Qua đó thể hiện tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Bích N và ông Võ Hoàng Vlà trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc bà Nguyễn Thị Bích N yêu cầu ly hôn với ông Võ Hoàng Vlà hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 và Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Bích N.

[2.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Bích N xác nhận giữa bà và ông Vcó Có hai người con chung tên là Võ Thị Tuyết Như, sinh ngày: 25/3/2012 và trẻ Võ Hoàng Bách, sinh ngày 04/01/2016, kể từ khi bà và ông Vsống ly thân thì hai con đều ở với bà cho đến nay, bà N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Như và trẻ Bách. Xét bà N là người trực tiếp nuôi hai trẻ từ nhỏ cho đến nay, ông Vkhông có trách nhiệm với con cái kể từ khi sống ly thân. Do đó, để ổn định sự phát triển của trẻ cũng như điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng và nguyện vọng của các trẻ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N, giao trẻ Võ Thị Tuyết Như, sinh ngày: 25/3/2012 và trẻ Võ Hoàng Bách, sinh ngày 04/01/2016 cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N yêu cầu ông Vcấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng/con cho đến khi hai trẻ thành niên. Xét bà

N là người trực tiếp nuôi trẻ Như, trẻ Bách từ nhỏ cho đến nay, ông Vkhông có trách nhiệm với con cái kể từ khi sống ly thân, con chung thì cả cha và mẹ đều phải có trách nhiệm chung trong việc nuôi dưỡng giáo dục; Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N; buộc ông Võ Hoàng Vcó nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ Võ Thị Tuyết Như, sinh ngày: 25/3/2012 và trẻ Võ Hoàng Bách, sinh ngày 04/01/2016 mỗi tháng 1.000.000 đồng/trẻ .

[2.4] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Bích N đề nghị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Bích N trình bày bà và ông Võ Hoàng Vkhông có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Riêng ông Võ Hoàng Vvắng mặt không thể hiện ý kiến, yêu cầu của ông về tài sản chung, nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét giải quyết vấn đề tài sản chung, nợ chung theo chứng cứ và yêu cầu của bà N. Trường hợp các đương sự có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

[2.5] Ông Võ Hoàng Vđã được Tòa án triệu tập đến để ghi nhận ý kiến, tiến hành thủ tục giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như việc tham gia phiên tòa xét xử giải quyết vụ án với nguyên đơn nhưng ông vẫn vắng mặt. Vì vậy, ông Vđã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án.

[3] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị Bích N phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là. Ông Vchịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 116, 117, 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Bích N đối với ông Võ Hoàng Vũ.

Bà Nguyễn Thị Bích N được ly hôn với ông Võ Hoàng Vũ. Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Bích N và ông Võ Hoàng Vchấm dứt cũng như Giấy chứng nhận kết hôn số 80, quyển số 01/2011 do Ủy ban nhân dân xã Đinh Lạc, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 06/9/2011 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao trẻ Võ Thị Tuyết Như, sinh ngày 25/3/2012 và trẻ Võ Hoàng Bách, sinh ngày 04/01/2016 cho bà Nguyễn Thị Bích N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Ông Võ Hoàng Vcó quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này.

Buộc ông Võ Hoàng Vcó nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ Võ Thị Tuyết Như, sinh ngày 25/3/2012 và trẻ Võ Hoàng Bách, sinh ngày 04/01/2016 mỗi tháng 1.000.000 (Một triệu) đồng/con. Thi hành vào ngày 10 (mười) hàng tháng, bắt đầu từ tháng 02/2020 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp ông Võ Hoàng Vkhông thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con theo án tuyên thì bà N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành việc ông Vcó nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp ông Vchậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, thì ông Vphải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng nuôi con được quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm cấp dưỡng.

3.Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Bà Nguyễn Thị Bích N xác nhận là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trường hợp các đương sự có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác khi có đủ điều kiện khởi kiện.

4.Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bích N chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0002608 ngày 02/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N đã nộp đủ án phí.

Ông Võ Hoàng Vchịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

5.Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo luật định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi án dân

sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Các đương sự (4);
- VKSND H. Bình Chánh (2);
- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1);
- Cơ quan nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (4).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

VN Chiến